TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2025/DS-ST
Ngày 19/6/2025
"V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2025, về "Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 451/2025/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2025/QĐST-DS ngày 12/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Võ Hữu T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Cẩm N có cho ông Võ Hữu T vay tiền cụ thể:

1. Ngày 06/09/2024, chị N có cho ông Võ Hữu T vay với số tiền là 24.100.000 đồng, thỏa thuận cho vay qua lời nói, không có văn bản, đưa tiền mặt, hứa sau 2 ngày sẽ trả tiền, cho vay không thỏa thuận lãi suất.

2. Ngày 08/09/2024, ông T vay thêm 68.500.000 đồng qua hình thức chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng Vietcombank và Vietinbank của chị N, lần

lượt là: VCB: 50.000.000 đồng; VietinBank: 18.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietcombank của ông T; số tài khoản: 9939873630. Thỏa thuận qua lời nói, không có văn bản, thời hạn trả là sáng thứ 3 ngày 10/9/2024, cho vay không thỏa thuận lãi suất.

3. Ngày 10/9/2024, ông T hỏi 5.000.000 đồng qua lời nói, không có văn bản, tiền được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng Vietcombank của chị N vào tài khoản ngân hàng của ông T. Hẹn thứ năm ngày 12/9/2024 sẽ trả đủ cho chị N, cho vay không thỏa thuận lãi suất.

4. Ngày 11/9/2024, chị N cho ông T vay: Tiền mặt: 30.000.000 đồng; Chuyển khoản: 10.000.000 đồng. Thỏa thuận cho vay qua lời nói, không có văn bản, khi cho vay không có thỏa thuận lãi suất và hứa sang tuần sau, ngày 16/9/2024 sẽ trả đủ.

5. Ngày 12/09/2024, ông T vay của chị N 20.000.000 đồng và chị N đã chuyển khoản vào tài khoản của ông T. Thỏa thuận thông qua lời nói, không có văn bản, không có thỏa thuận lãi suất khoản vay, hẹn ngày 23/09/2024 sẽ trả.

6. Ngày 13/9/2024, ông Tý vay thêm 7.000.000 đồng, hình thức chuyển khoản, thỏa thuận cho vay qua lời nói, không có văn bản, cho vay không thỏa thuận lãi suất.

7. Ngày 18/9/2024, ông T vay thêm 1.000.000 đồng, hình thức chuyển khoản. Thỏa thuận cho vay qua lời nói, không có văn bản, cho vay không thỏa thuận lãi suất. Hẹn chung 23/9/2024 sẽ trả.

8. Ngày 21/9/2024, chị N có chuyển khoản lần lượt cho ông T vay 7.000.000 đồng và 3.000.000 đồng. Cho vay qua lời nói, không có văn bản thỏa thuận, cho vay không thỏa thuận lãi suất. Hẹn ngày 23/9/2024 sẽ trả đủ.

9. Ngày 24/9/2024, ông T tiếp tục hỏi vay chị N với số tiền lần lượt là: 26.500.000 đồng được chuyển khoản từ tại khoản Vietinbank của chị N vào tài khoản ông T: 26.000.000 đồng và 10.000.000 đồng từ tại khoản Vietcombank của chị N vào tài khoản ông T. Số tiền cho vay qua lời nói, không có văn bản, cho vay không thỏa thuận lãi suất. Và hẹn ngày 26/9/2024 sau khi giải ngân xong sẽ trả.

10. Ngày 26/9/2024, ông T vay 10.000.000 đồng, hình thức chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng Vietcombank của chị N vào tài khoản ngân hàng của ông T, không có văn bản thỏa thuận, cho vay không thỏa thuận lãi suất. Hẹn ngày 30/9/2024 sẽ trả đủ.

* Tổng số tiền ông Võ Hữu T vay chị N là: Tiền mặt: 54.100.000 đồng; Chuyển khoản: 194.000.000 đồng. Tổng là: 248.100.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Cẩm N yêu cầu ông Võ Hữu T trả lại số tiền vay 248.100.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay đưa bằng tiền mặt là 54.100.000 đồng. Ngoài ra sau khi chị nộp đơn khởi kiện thì ông T đã trả được cho chị N số tiền 15.000.000 đồng, nên nay chị N chỉ yêu cầu ông T trả cho chị số tiền vay còn thiếu gốc là 179.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn ông Võ Hữu T vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản ý kiến trình bày nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Nguyễn Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu bị đơn là Võ Hữu T trả số tiền nợ vay nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Võ Hữu T có nơi cư trú tại xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng bị đơn Võ Hữu T không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Cẩm N yêu cầu ông Võ Hữu T trả số tiền vay gốc là 179.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xin rút lại yêu cầu khởi kiện số tiền vay 54.100.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút yêu cầu của chị N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho ông T nên chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu trả số tiền vay 54.100.000 đồng.

Đối với số tiền vay gốc 194.000.000 đồng (hiện nay còn 179.000.000 đồng), nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Sao kê tài khoản 0601000520072, tên tài khoản Nguyen Thi Cam Nhi ngày 24/10/2024 Ngân hàng VietCombank; Sao kê chi tiết giao dịch số tài khoản 107874254536 ngày 24/10/2024 Ngân hàng VietinBank; Sao kê chi tiết giao dịch số tài khoản 107874254536 từ ngày 08/9/2024 đến ngày 24/09/2024 Ngân hàng VietinBank thể hiện:

- Số tài khoản 0601000520072, NGUYEN THI CAM NHI chuyển cho số tài khoản 9939873630, VO HUU TY các khoản tiền: Ngày 08/9/2024 số tiền 50.000.000 đồng, ngày 10/9/2024 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 11/9/2024 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 12/9/2024 số tiền 20.000.000 đồng, ngày 13/9/2024 số tiền 7.000.000 đồng, ngày 18/9/2024 số tiền 1.000.000 đồng, ngày 21/9/2024 chuyển 02 lần, lần 1: 7.000.000 đồng, lần 2: 3.000.000 đồng, ngày 24/9/2024 số tiền chuyển 02 lần, lần 1: 26.000.000 đồng, lần 2: 10.000.000 đồng, ngày 26/9/2024 số tiền 10.000.000 đồng.

- Số tài khoản 107874254536, NGUYEN THI CAM NHI, chuyển cho số tài khoản 9939873630, VO HUU TY các khoản tiền: Ngày 08/9/2024 số tiền 18.500.000 đồng, ngày 24/9/2024 số tiền 26.500.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định."* và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn……"*.

Từ những phân tích và quy định nêu trên, xác định việc chị N cho ông T vay số tiền 194.000.000 đồng như trên là có thật. Hiện nay chị N thừa nhận ông T đã trả cho chị N số tiền 15.000.000 đồng, nên còn nợ lại số tiền 179.000.000 đồng.

Đối với ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông T không có văn bản ý kiến, không đến Tòa để trình bày và yêu cầu về nội dung giải quyết việc vay tiền như thế nào, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định yêu cầu của ông T và các nội dung khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu của nguyên đơn, quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N yêu cầu ông T trả số tiền vay gốc là 179.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do ông T phải trả cho chị N số tiền 179.000.000 đồng nên phải chịu 8.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự. điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"* và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm N về việc yêu cầu ông Võ Hữu T trả cho chị N số tiền vay gốc là 179.000.000 đồng.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm N về việc yêu cầu ông Võ Hữu T trả cho chị N số tiền vay 54.100.000 đồng.

3/ Buộc ông Võ Hữu T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm N số tiền vay 179.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Võ Hữu T nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.950.000 đồng (Tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Cẩm N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.203.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003460, ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng